

ISLAM GIÁO VÀ CÁC NGHI LỄ, TẬP QUÁN CỦA NGƯỜI CHĂM Ở NAM BỘ

PHÚ VĂN HẸN*

1. Sự dung hòa của Islam giáo với văn hóa truyền thống trong cộng đồng Chăm Islam

1.1. Lịch sử thiên cư của người Chăm vào các tỉnh Nam Bộ là một cuộc hành trình khúc khuỷu, lâu dài, trải qua nhiều giai đoạn và bằng nhiều con đường khác nhau gắn liền với những biến động về chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước nói chung cũng như của Nam Bộ nói riêng.

1.2. Người Chăm ở Nam Bộ hiện nay là con cháu của cư dân Chăm cổ có nguồn gốc từ các tỉnh miền Trung (Ninh Thuận, Bình Thuận). Sau biến cố lịch sử năm 1471, đông đảo người Chăm đã lần lượt rời bỏ quê hương và quá trình Islam hóa đã diễn ra mạnh mẽ. Khi sang Chân Lạp, Xiêm La, Malacca..., người Chăm được tiếp xúc với những người Melayu Islam vốn trước đây đã có quan hệ khá mật thiết với họ, trong lúc mối gắn kết với truyền thống Ấn giáo đã trở nên lỏng lẻo sau khi họ rời cố hương Chăm-pa. Hơn nữa, người Chăm lại có cùng nguồn gốc nhân chủng và cùng ngữ hệ Malayo-Polynesia với cộng đồng Islam gốc Indonesia và Malaysia. Vì thế nên khi lập nghiệp ở An Giang, và tiếp đó lên sinh sống ở Sài Gòn và các tỉnh Nam Bộ, người Chăm đã có mối quan hệ khá khăng khít về tôn giáo, xã hội, và huyết thống với người Malaysia. Đặc biệt là về tôn giáo,

nhóm cộng đồng này lại cùng theo phái Safi'Y của Islam giáo.

Mối quan hệ của người Chăm Islam với cộng đồng Islam gốc Indonesia và Malaysia càng được củng cố bởi ngay tại Nam Bộ và Sài Gòn, người Indonesia và Malaysia cũng đã có mặt từ khá sớm. Vào những năm cuối của thế kỉ XVIII, khi Nguyễn Ánh đã làm chủ vùng đất Gia Định thì việc giao thương cũng khá phát triển. Trịnh Hoài Đức đã viết: "Gia Định là chỗ đô hội thương thuyền của các nước nên trăm món hàng hóa phải tụ hội ở đây"⁽¹⁾. Nguyễn Ánh còn giao cho Laurent Barizi "coi việc lương phạn nên hay sai đi chở gạo qua Thiên Trúc (tức Ấn Độ), Manille, Batavia, Malacca bán và mua hay đổi lấy súng ống thuốc đạn"⁽²⁾. Có lẽ các tàu buôn phương Tây khi buôn bán với Gia Định đã ghé các cảng ở quần đảo Indonesia và bán đảo Malacca và thu nhận những người "Bồ Đà" về làm công cho họ ở Sài Gòn. Chắc chắn số người "Bồ Đà" đó là người Chăm và cộng đồng theo Islam giáo vì quê hương nơi họ ra đi vào thời gian đó đã được Islam hóa. Đến nửa cuối thế kỉ XIX, khi Nam Kỳ rơi vào tay thực dân Pháp, việc giao thương với thế

*. Viện KHXH vùng Nam Bộ.

1. Trịnh Hoài Đức. *Gia Định thành thông chí*. Tập Thượng, tr.38.

2. Trương Vĩnh Ký. *Biên Tích đức thủy*. Pinhò Quận công. Sài Gòn 1897, tr.32.

giới bên ngoài càng phát triển, và những người Indonesia, người Malaysia theo Islam giáo đến định cư ở Sài Gòn đã tăng lên đáng kể. Hợp Ai và một số cộng tác viên người Chăm khác được Aymonier (Nhà nghiên cứu người Pháp) cho ghé qua Sài Gòn đã ghi trong kí sự bằng thơ:

“Một sắc dân có nước da ngăm đen

... Học thứ chữ như chữ Bà Ni (Arập)

Tây, Tàu kêu lại hỏi, họ bảo là Java”⁽³⁾

1.3. Như vậy, người Chăm vì thời cuộc đã phải thực hiện một cuộc hành trình dài qua đất Chân Lạp, Xiêm La, Malacca... rồi mới quay lại An Giang và Tây Ninh để từ đó tiếp tục thiên cư đến Sài Gòn. Tín ngưỡng của họ do đó đã tiếp nhận ảnh hưởng của tôn giáo mới từ các cộng đồng dân tộc khác trên con đường di chuyển. Đến Nam Bộ, cộng đồng Chăm lại gặp đồng đạo người Ấn, người Afghanistan, người gốc Buwean (Malaysia và Indonesia). Cho nên, rất dễ ảnh hưởng mạnh mẽ đến các nghi lễ và tập quán hàng ngày. Theo thời gian, những ảnh hưởng này ngày càng sâu đậm, ăn sâu vào nếp sống và trở thành chuẩn mực ứng xử của cộng đồng người Chăm Islam. Cho đến nay, trong cộng đồng Islam ở An Giang, Sài Gòn và một số địa phương khác vẫn tiếp tục diễn ra những cuộc vận động (dakwah) để đưa cộng đồng Chăm Islam đến gần với văn hóa, giáo luật Islam giáo. Trong cộng đồng người Chăm Islam đã xuất hiện hai nhóm tín đồ gọi là “*phái Tua*” và “*phái Mudơ*” được hình thành từ những người Chăm theo Islam giáo du học về muốn sửa đổi một số chi tiết trong các nghi thức hành lễ của tôn giáo này. Những người Chăm theo “*phái Tua*” muốn giữ nguyên tín ngưỡng truyền thống và cho đó là

những tục lệ tốt đẹp của tổ tiên. Về mặt tổ chức, từ năm 1961 đến năm 1975 người Chăm Islam đã lập ra *Hiệp hội Chăm Hồi giáo Việt Nam*, và từ năm 1992 đã thành lập *Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo thành phố Hồ Chí Minh* để duy trì và nâng cao những hiểu biết về giáo lí, tập tục của Islam giáo nhằm giúp người Chăm thực hành tín ngưỡng Islam.

1.4. Chính vì thế nên, về mặt phương pháp luận, khi xem xét vấn đề tín ngưỡng và tập quán của cộng đồng Chăm tại Nam Bộ, chúng ta không thể chỉ xét trên bình diện lịch sử, quá trình phát triển mà còn phải đặt cộng đồng ấy trong bối cảnh tín ngưỡng chung của Islam giáo.

Tuy nhiên, người Chăm trong quá trình phát triển văn hóa cũng đã dung hòa các yếu tố của văn hóa Islam với văn hóa truyền thống của dân tộc mình và văn hóa của các dân tộc khác sống xung quanh. Cộng đồng Islam tuân thủ chặt chẽ giáo lí của Islam giáo. Sức mạnh của tín ngưỡng giáo lí đã làm thay đổi khá nhiều quan niệm, nếp sống đặc trưng của dân tộc. Nhưng không phải tất cả đều thay đổi và hoàn toàn đoạn tuyệt với quá khứ. Chẳng hạn, chế độ mẫu hệ của người Chăm tuy phải nhường bước cho những đức tin, nhưng người phụ nữ không phải hoàn toàn bị ràng buộc nặng nề... Cho nên, khi nghiên cứu tín ngưỡng và các nghi lễ, tập quán của người Chăm, cần phải để ý đến sự kế thừa truyền thống.

2. Tập quán cư trú và sinh hoạt tôn giáo theo cộng đồng

2.1. Theo truyền thống, cộng đồng Chăm Islam thường cư trú tập trung thành từng nhóm gia đình có quan hệ

3. Truyện thơ viết bằng chữ Chăm (Akhar Thrah) của Hợp Ai.

gần gũi với nhau như cùng quê (cùng đơn vị cư trú tính theo palei khi ở Pandurangga hay có quan hệ họ hàng thân thích với nhau). Tại Nam Bộ, do đến muộn, hơn nữa, phần lớn cư dân trong cộng đồng này lại nghèo, nên họ tiếp tục sống tập trung thành nhóm ở những địa bàn vốn là vùng đất thấp, sinh lầy, gần kênh rạch, các bến sông. Việc *quần tụ thành những cụm dân cư* rất tiện cho việc sinh hoạt tín ngưỡng cộng đồng và giúp đỡ lẫn nhau. Còn việc *cư trú ven sông, rạch*, một mặt giúp cho công việc làm ăn buôn bán của họ trên sông nước được dễ dàng, mặt khác tạo điều kiện thuận lợi để họ đi lại trong thành phố cũng như đi về nơi quê cũ ở An Giang, Campuchia.

Một đặc điểm cư trú khác của người Chăm ở Nam Bộ là *các khu vực cư trú của họ thường gần các chợ*. Ở An Giang, người Chăm ở gần chợ Châu Đốc. Ở thành phố Hồ Chí Minh, khu người Chăm đường Huỳnh Văn Bánh nằm sát bên chợ Phú Nhuận. Khu người Chăm Nancy ở kế bên chợ Nancy. Khu người Chăm Trương Minh Giảng tọa lạc gần chợ Trương Minh Giảng (nay là chợ Nguyễn Văn Trỗi). Khu người Chăm Thị Nghè gần chợ Thị Nghè, v.v... Có lẽ do thích hợp với buôn bán nên các địa bàn mà cộng đồng này chọn thường là gần chợ. Mặt khác, các chợ ở Sài Gòn cũng thường được tạo lập gần các sông, rạch để thuận tiện cho việc đi lại, vận chuyển hàng hóa mà người Chăm lại có thói quen là cư trú gần sông, rạch. Cho nên, các điểm cư trú của người Chăm hội tụ cả hai điều kiện thuận lợi là "Nhất cận thị, nhị cận giang". Chỉ có một số rất ít người Chăm Islam sinh sống ở những mặt tiền đường.

Về kiến trúc nhà ở. Vì sống trên vùng đất thấp ven sông, rạch, hơn nữa,

theo tập quán cư trú khi sống chung với người Khmer, người Melayu ở Campuchia, nên người Chăm ở thành phố Hồ Chí Minh lúc ban đầu cũng cất nhà sàn để ở. Những ngôi nhà sàn này thường xây cất bằng gỗ, sàn gỗ, vách gỗ, mái lợp lá, sau này thường thay thế bằng tôn. Cho đến những năm 1960, các khu người Chăm ở Phú Nhuận, khu người Chăm ở Trương Minh Giảng (quận 3), khu người Chăm Tế Bần (quận 8)... vẫn còn thấy những ngôi nhà sàn. Dần dần, theo sự phát triển đô thị, những khu vực thấp, sinh lầy được san lấp, những ngôi nhà sàn của người Chăm cũng được cải tạo bằng cách tôn đất cho cao rồi sang sửa phần dưới sàn để ở và cho đến nay thì hình thái cư trú chủ yếu của họ là nhà xây trên đất. Nhưng tàn dư của hình thái cư trú trên nhà sàn vẫn còn thấy được trên một số căn nhà của người Chăm, mặc dù những căn nhà sàn đó đã được cải tạo.

2.2. Về sinh hoạt tôn giáo theo cộng đồng. Cộng đồng người Chăm ở Nam Bộ được cấu trúc theo hình thức *jammaah*. Mỗi *jammaah* là một tập thể gồm những người cùng sinh hoạt tín ngưỡng chung trong một *masjid* (thánh đường) hoặc *surau* (tiểu thánh đường). Đứng đầu *jammaah* là một ông *Hakim* do tập thể *jammaah* bầu lên. Ông *Hakim* có quyền chọn một vị phụ tá gọi là *Naib*. Mỗi *jammaah* đều có thêm một vài thành viên trong *Ban Quản trị thánh đường*. Các thành viên này có thể do cộng đồng đề cử hoặc do ông *Hakim* và *Naib* chọn để chăm lo một số công việc thuộc về xã hội trong phạm vi cộng đồng *jammaah* của mình.

Trung tâm văn hóa của các *jammaah* là *các thánh đường*, nơi sinh hoạt tín

ngưỡng Islam của cộng đồng. Ở Nam Bộ, số lượng người Chăm tuy không đông (khoảng gần 50.000 người), nhưng sự hiện diện của masjid với lối kiến trúc đặc trưng, bề thế, đã thể hiện tiềm lực tinh thần tín ngưỡng của cộng đồng Chăm. Hiện nay, ở Nam Bộ có 130 *masjid* và *surau* theo lối kiến trúc như ở các quốc gia Islam giáo. Chính lối kiến trúc này đã làm nổi bật vị trí các khu vực của người Chăm và cộng đồng theo Islam giáo sinh sống ở Nam Bộ. Phần nội thất trong các masjid không trưng bày bất cứ hình tượng nào cũng như không đặt bàn thờ như ở một số tôn giáo khác. Hình thức tượng trưng cho thần linh như tượng, ảnh người hoặc vật đều không được đặt trong masjid vì tín đồ Islam giáo cho rằng những hình ảnh đó sẽ làm sai lạc đức tin của họ. Điều này đã ảnh hưởng đến lĩnh vực nghệ thuật, kiến trúc và việc trang trí trong các masjid. Hầu hết các masjid thường được trang trí (viết, vẽ, khắc...) các câu chữ Ả-rập được trích từ Kinh Côran hoặc câu *Kalimah Saadat* mang ý nghĩa đề cao lòng tin đối với Thánh Allah. Các masjid luôn được cộng đồng Chăm ra sức chăm sóc, trùng tu để xứng đáng với vị trí thiêng liêng của nó.

3. Các nghi lễ tôn giáo ở cộng đồng

3.1. Người Chăm theo Islam giáo trong cộng đồng đều phải đến masjid làm lễ. Có khi một số người còn mang theo thực phẩm đến và chia đều cho mọi người có mặt. Người Chăm tin rằng, những lễ vật này chính là phúc lộc mà Thượng Đế ban tặng cho mình. *Người Chăm Islam tin là con người luôn chịu sự chi phối của Thượng Đế*. Thượng Đế là vô hình, không thể nhìn thấy được, nhưng Thượng Đế ở khắp mọi nơi, luôn theo sát mọi hành vi

của con người và luôn trợ giúp cho con người. *Người Chăm cũng tin có các Thiên Thần*. Đối với họ, Thiên Thần chính là người đã được Thượng Đế giao nhiệm vụ quan sát mọi hành động của con người và báo lại trong ngày phán xét cuối cùng. Thiên Thần có tính thuần túy tâm linh và chỉ biết phục vụ Thượng Đế một cách trung thành. Mỗi Thiên Thần đều được Thượng Đế phân công đảm trách các nhiệm vụ riêng. Con người không thể nhìn thấy các Thiên Thần bằng mắt thường nhưng không phải vì thế mà phủ nhận sự hiện diện của các Thiên Thần. *Người Chăm Islam còn tin vào ngày phán xét cuối cùng (ngày tận thế)*. Vào ngày đó, tất cả các hành vi của con người đều được liệt ra và phải chịu sự phán xét của Thượng Đế. Ai có đạo đức tốt sẽ được ban thưởng, được lên Thiên Đàng (*surga*) hoặc sẽ bị trừng trị trong Địa Ngục (*norka*). Niềm tin ấy khuyến khích họ làm thật nhiều điều tốt để sau này được Thượng Đế ban thưởng vào Thiên Đàng hưởng phúc lộc suốt đời. *Người Chăm theo Islam giáo xem Kinh Côran là chuẩn mực đạo đức để dựa vào đó phán định các vấn đề*. Do đó, những gì phù hợp với Kinh Côran thì sẽ được cộng đồng Chăm chấp nhận như là một chân lý thiêng liêng. Họ cho rằng, Kinh Côran hàm chứa nền tảng những nguyên tắc xã hội, là cuốn sách chứa đựng mọi "chân lý và trí thức" của loài người. Vì vậy, mọi sự kiện quan trọng trong cuộc đời đều nhất thiết mở đầu bằng việc đọc Kinh Côran. Và theo quan niệm của người Chăm Islam, đặt một cuốn Kinh Côran trong nhà thì gia đình sẽ tránh được mọi tai họa. Khi đi đường thì mang theo mình những mẩu giấy hoặc da có viết những câu trích từ Kinh Côran để làm bùa hộ mệnh, thậm

chí có người chữa bệnh bằng cách uống nước ngâm các mảnh giấy có ghi các câu trích từ Kinh Côran.

3.2. **Trong tháng chay Ramadan**, diễn ra vào tháng 9 lịch Islam, người Chăm luôn phải giữ mình trong sạch, phải chịu thử thách. Người Chăm phải nhịn mọi thứ vào ban ngày (từ trước lúc mặt trời mọc) và chỉ được phép ăn, uống, hút thuốc vào ban đêm (sau khi mặt trời lặn). Người Chăm không được hát xướng, vui chơi, hoặc quan hệ tình dục, không được sát sinh, không được gây gỗ, cãi vã... Vào mùng 1 tháng 10 lịch Islam, nghi lễ *Raya Iadit Fitrah* được người Chăm tổ chức trọng thể để mừng cho mình và cộng đồng đã qua cuộc thử thách trong suốt tháng Ramadan. Sau những ngày nhịn đói, nhịn khát, người Chăm đã hiểu thế nào là sự túng thiếu và cảm giác thèm được ăn, được uống trong cuộc sống thường ngày, qua đó để họ biết được và cảm thông với những người nghèo khổ.

Trong ngày này, cộng đồng tụ tập tại masjid để cảm ơn Thượng Đế đã ban phúc lành cho mình vào dịp Ramadan. Mọi người hỉ xả lỗi lầm cho nhau. Sau đó, họ đi viếng mộ và cầu nguyện cho người đã khuất. Nhân dịp này, họ cũng thăm viếng, chúc tụng lẫn nhau.

3.3. Hằng năm, cứ đến ngày 12 tháng Rabiul Awal (tháng 3 lịch Islam), cộng đồng theo Islam giáo tổ chức lễ *kỉ niệm này sinh của Đức Muhammad*. Người Chăm cho rằng, Muhammad là người đã có công khai sáng và truyền lại các tín ngưỡng tốt đẹp nhất trên đời này. Người Chăm nhắc nhau thực hiện lời dạy của nhà Tiên tri này. Đây cũng là một trong những ngày hội quan trọng của người Chăm ở Nam Bộ. Sau buổi lễ người Chăm

cùng nhau xúc dầu thơm (gốc Mecca) như để thụ hưởng phúc lộc của Thượng Đế.

3.4. **Nghi lễ Tolakbala** được tổ chức vào ngày Thứ tư tuần cuối tháng Safar (tháng 2 lịch Islam) hằng năm. Người Chăm tin rằng, vào thời gian này Thượng Đế giáng những tai họa xuống trần gian, nên họ phải cầu xin Thượng Đế ban cho họ sự bình an. Tolakbala được tổ chức vào buổi trưa ngay tại trung tâm của cộng đồng jammaah. Họ cùng nhau làm lễ, sau đó cắt tóc (cắt vài sợi), dụi mắt, biếu tiền hoặc tặng quà cho những đứa trẻ mồ côi, sờ vào đầu chúng... và cầu mong Thượng Đế luôn ban phúc lành cho họ.

4. Các nghi lễ vòng đời và tập quán sinh hoạt thường nhật

4.1. **Nghi lễ đặt tên, cắt tóc cho trẻ sơ sinh**. Khi đứa bé người Chăm vừa sinh ra được 7 ngày hoặc 14 ngày, ... cha mẹ của đứa bé làm lễ cha *kak buk* (cắt tóc và đặt tên). Trong buổi lễ, mọi người tập hợp quanh đứa trẻ và cùng đọc Kinh Côran cầu Thượng Đế ban cho đứa bé được bình an. Sau đó, cha mẹ của đứa trẻ đặt tên cho con mình. Đối với bé trai thì có chữ nối là "bin", bé gái có chữ nối là "binti". Ví dụ:

- *Sarigah binti Hosen*: có nghĩa là Sarigah là con gái của ông Hosen.

- *Muhammad bin Ali*: có nghĩa là Muhammad là con trai của ông Ali.

Tên đứa trẻ cũng sẽ được kéo dài ra ở phía sau. Chẳng hạn: Hassan con ông Samad cháu ông Amin thì sẽ là *Hassan bin Samad bin Mohamad Amin*. Nhưng trên thực tế hiện nay, trên khai sinh chỉ mang tên đứa trẻ.

4.2. **Nghi lễ thành niên**. Nghi lễ này nhằm chứng nhận một người đến tuổi

thành niên. Cộng đồng người Chăm quy định con trai và con gái đến tuổi 15 là coi như bước vào tuổi trưởng thành. Họ phải chịu cuộc tiểu phẫu *khotan* ở bộ phận sinh dục. Người chịu trách nhiệm tiểu phẫu có thể là đàn ông hoặc đàn bà tùy theo đối tượng chịu tiểu phẫu đó là nam hay nữ. Hình thức tiểu phẫu là dùng dao bén có sát trùng cắt nhẹ vào bộ phận sinh dục. Ở nữ thì chỉ cần rạch nhẹ (tượng trưng) cho ra một ít máu, còn ở nam thì cắt đi một miếng da quy đầu. Trong lúc tiến hành, những người tham dự đều khấn nguyện Thượng Đế ban phúc lành. Nếu người nào đã đến tuổi trưởng thành mà chưa *khotan* thì bị cộng đồng Chăm xem như người không được sạch sẽ để có thể sinh hoạt tín ngưỡng chung.

4.3. **Hôn nhân.** Khi trai gái đến tuổi lập gia đình, có thể qua lời giới thiệu của người mai mối, nhà trai nhờ người có uy tín sang nhà cô gái để *dạm hỏi*. Khi bên nhà gái chấp nhận, người làm mai thông báo cho nhà trai biết để định ngày giờ, cùng bên nhà gái tiến hành lễ hỏi.

Đến ngày làm *lễ hỏi*, nhà trai mang theo lễ vật như vải vóc, hoa tai, dây chuyền,... trao cho vị hôn thê. Bên nhà gái có quyền đặt điều kiện tiền đồng, tiền cưới và thỏa thuận với bên nhà trai ngày giờ chính thức làm lễ kết hôn.

Lễ cưới thực hiện đúng theo nghi thức *Rukun Nikah*: Thứ nhất, phải có một người đại diện phía nhà gái gọi là *Wali* (chủ hôn). *Wali* thường là cha, chú, anh (em trai) ruột của cô dâu hoặc do gia đình cô dâu cử ra. Trong trường hợp vắng mặt người ruột thịt của cô dâu, gia đình cô dâu thường nhờ ông Hakim hoặc người có uy tín khác làm *Wali*. Thứ hai, phải có hai người làm chứng gọi là *Saksi*. *Saksi*

là người trong cộng đồng, có tuổi, đứng đắn, không có bà con thân thuộc với cô dâu hoặc chú rể, nghiêm túc và khách quan. Thứ ba, lễ *Kabon* tiến hành giữa ông *Wali* và chú rể. Ông *Wali* tuyên bố việc gả người con gái và chú rể chấp nhận việc cưới cô dâu. Thứ tư, phải có cô dâu. Thứ năm, phải có chú rể.

Buổi lễ chính thức được diễn ra trước sự chứng kiến của nhiều người. Chú rể ngồi đối diện với ông *Wali*, các vị *Saksi* ngồi hai bên, xung quanh họ là những vị lớn tuổi và nhiều người tham dự. Khi chú rể trao tiền cưới, số tiền đã được nhà trai và nhà gái thỏa thuận trước, gọi là *Sakawan - banjor*. Số tiền này sẽ thuộc về cô dâu. Ông *Wali* và chú rể cùng nắm chặt tay nhau và ông *Wali* tuyên bố: "*Tôi gả con gái tôi (hoặc Tôi gả cô...) tên là... cho... sakawan là...*". Chú rể đáp: "*Tôi bằng lòng cưới cô... với sakawan là...*". Việc đáp lời của chú rể phải liên tục với ông *Wali* vừa chấm dứt câu (không gián đoạn) và rõ ràng, không sai tên, không vấp; nếu sai thì phải làm lại, và không được sai quá 3 lần. Sau 3 lần mà vẫn không hoàn chỉnh lời đáp thì ngày cưới sẽ bị dời lại, vì họ cho rằng đó là điềm không may cho cặp vợ chồng này. Kết thúc lời đáp trọn vẹn của chú rể trước *Wali*, chú rể được đưa tới phòng cưới. Phòng cưới được bài trí trang trọng. Lúc này cô dâu đang ngồi bên trong. Chú rể tiến đến gần, dùng ngón trỏ tay phải chỉ thẳng vào trán cô dâu thắm nói "*Nàng đã thuộc về ta từ đây*", sau đó có thể được hôn lên trán cô dâu trước sự chứng kiến của nhiều người.

Sau lễ cưới ba ngày, chú rể phải đưa cô dâu về thăm cha mẹ mình và phải mang sang nhà gái các vật dụng sinh hoạt gia đình như nồi, niêu, xoong, chảo, gạo,

muối... Cha mẹ chú rể sẽ đưa vợ chồng mới cưới đi thăm người thân. Chú rể có thể đưa vợ về ở nhà mình hoặc đến sống chung cùng với gia đình bên vợ.

Phong tục của Islam giáo cho phép người đàn ông được quyền có nhiều vợ, nhưng phải có sự đồng ý của người vợ trước và bắt buộc người chồng đó phải có đủ khả năng chu cấp đầy đủ nhu cầu về vật chất và tinh thần một cách đồng đều cho tất cả những người vợ.

Khi đôi vợ chồng cảm thấy không sống được với nhau nữa thì sẽ tiến hành *li hôn*. Việc li hôn của một đôi vợ chồng phải dựa trên những nguyên nhân hợp lí có thể là: chồng không có khả năng nuôi nổi vợ; vợ không tuân theo chồng; hoặc vợ chồng thường xuyên bất hoà với nhau... Trước khi việc li hôn xảy ra, thì đôi vợ chồng đó phải qua sự hoà giải. Sau khi li hôn, tài sản của họ sẽ chia làm đôi. Những vấn đề phụ thuộc khác như con cái sẽ theo cha hay theo mẹ, con cái có còn trong độ tuổi cần phải cấp dưỡng hay không... sẽ được người trong cộng đồng phân chia hợp lí, hợp tình. Đối với phụ nữ, khi đã li hôn hoặc mất chồng thì có quyền tái giá nhưng phải sau 3 tháng để xác định có mang thai với người chồng trước hay không. Còn người đàn ông sau khi vợ mất hoặc đã chính thức li hôn thì có thể cưới vợ ngay. Người Chăm tin chuyện hạnh phúc hay li tan đều là định mệnh.

Giữa cha mẹ và con cái có quan hệ ràng buộc về tín ngưỡng. Về vai trò người phụ nữ, phụ nữ Chăm tại Nam Bộ chỉ quanh quẩn với việc nhà. Tuy nhiên, hầu như không hề có hạn chế việc tận dụng kĩ năng của phụ nữ trong bất cứ lĩnh vực nào.

4.4. **Tang chế.** Người Chăm quan niệm cuộc sống hiện tại chỉ là cuộc sống

tạm bợ. Vì thế, khi có người mất thì những người trong gia đình, họ hàng không ai được than khóc, để tang hoặc lập bàn thờ vì coi đó là đã an bài. Khi có người mất thì sẽ báo cho những thành viên khác biết để đến chuẩn bị tắm liệm và cùng dự lễ cầu nguyện cho người quá cố. Người còn sống phải tắm rửa thật sạch cho người đã mất (gọi là *Mayit*). Theo quy định, nam giới tắm cho *Mayit* nam và nữ giới tắm cho *Mayit* nữ. *Mayit* được tắm thật sạch bằng nước xà bông, sau đó lau thật khô và xối lại nước lá táo rồi lau khô một lần nữa. *Mayit* được quấn các lớp vải liệm (gọi là *Kaphan*). Vải dùng để liệm phải là vải màu trắng. Nam được bọc bằng 3 lớp vải, nữ được bọc bằng hai lớp vải phủ kín toàn cơ thể. Chính giữa lớp vải bọc được lót một lớp bông gòn và long não, bằng phiến cà nhuyễn. Sau đó, *Mayit* được cột túm lại bởi 5 nút dây ở đầu, khuỷu tay, lưng, đầu gối và dưới chân, rồi được phủ lên thêm một tấm khăn lớn có thêu những đoạn Kinh Côran, và được đem vào thánh đường. *Mayit* được đặt nằm nghiêng, đầu hướng về hướng nam đối với *Mayit* là nam giới và hướng bắc đối với *Mayit* là nữ giới. Sau đó, người ta xúc nước hoa lên *Mayit* và bắt đầu tiến hành làm lễ cầu nguyện trước khi đem chôn. Khi đưa xuống huyệt, *Mayit* sẽ được lật nghiêng hướng về phía tây, và cho đất xuống lấp lại.

Sau khi chôn cất xong, gia đình, bà con và bạn bè của người quá cố tụ tập lại và cầu nguyện liên tục trong suốt 3 đêm, rồi ngưng cho đến ngày thứ 7, thứ 40 và thứ 100 kể từ ngày chôn người Chăm sẽ tổ chức cầu nguyện lại cho người quá cố. Sau đó là ngưng hẳn, không còn bất kì một hình thức lễ nào nữa liên quan đến người quá cố đó. Người Chăm cũng không

tổ chức cúng giỗ hằng năm. Việc tổ chức tang ma của người Chăm tương đối đơn giản. Bởi vì họ luôn quan niệm, “chết chỉ là một giấc ngủ dài để chờ tới ngày phán xét cuối cùng của Thượng Đế”.

4.5. Tưởng niệm người đã khuất. Người Chăm Islam quan niệm rằng, con người được cấu tạo bởi phần xác và phần hồn. Khi chết phần xác của con người sẽ bị phân rã, còn phần hồn xuất ra khỏi xác để tiếp tục tồn tại xung quanh thế giới con người. Người Chăm tin rằng, phần hồn của người chết có thể giúp đỡ, bảo vệ người thân. Do vậy, người còn sống không làm phật lòng vong hồn của người đã khuất. Đối với ông bà tổ tiên của gia đình, dòng họ mình, người Chăm thường xuyên tưởng nhớ và tổ chức thăm viếng vào những ngày cuối tháng Ramadan. Tuy không còn hình thức cúng giỗ nhưng khi nào có món ăn ngon, vật quý mà nhớ đến người đã khuất thì gia đình có thể làm bữa tiệc mời bà con họ hàng đến dự. Đây cũng là dịp để bày tỏ lòng tôn kính với người đã khuất và lòng hiếu thảo, biết ơn của người con, người cháu đến ông bà tổ tiên đã sinh ra và nuôi dưỡng mình lớn khôn.

4.6. Cầu an và chữa bệnh tại nhà. *Du-a cầu an* là hình thức cầu nguyện Thượng Đế ban phúc lành cho người bệnh mau hết bệnh hay giúp cho công việc được suôn sẻ, đi đến nơi về đến chốn, vượt qua khó khăn trở ngại... Người Chăm tin là họ sẽ nhận được phúc đáp và giúp đỡ từ Thượng Đế. Khi có người bệnh, người Chăm còn lồng vào một số phương thức chữa bệnh dân gian của họ. Gia đình người bệnh sẽ mời các vị thầy cúng, thầy mo đến “lên đồng”, cúng bái, hoá giải bùa chú, ếm, thư, hay xua đuổi tà ma giúp

người bệnh mau chóng hồi phục. Hình thức này không phổ biến, chỉ làm lén lút mà thôi. Còn đối với sản phụ trước và sau khi sinh bị đau ốm, người Chăm thường dùng “vỏ cây cọp cào” làm thuốc để chữa.

4.7. Kiên cữ. Người Chăm Islam có rất nhiều kiêng cữ trong cuộc sống. Trong nhà, họ không treo hình tượng của người hoặc loài vật. Người Chăm đặt trọn niềm tin vào một Thượng Đế duy nhất, mà Thượng Đế là đáng vô hình, không thể mô tả bằng bất cứ một hình ảnh nào, do đó họ chỉ có thể tôn kính trong trí tưởng tượng mà thôi. Vì vậy, trong gia đình người Chăm không treo hình ảnh kể cả di ảnh của người thân đã mất vì sợ chính những hình ảnh đó sẽ làm xao lãng đức tin. Trong các bữa ăn thường ngày, người Chăm Islam không ăn thịt heo, vì cho rằng thịt heo là thức dơ bẩn nhất. Người Chăm không được xăm mình cũng như không để cho những con vật như chó, heo đụng, liếm hay cắn phải. Nếu có trường hợp đó xảy ra thì người Chăm phải rửa bằng nước bùn một lần và sau đó rửa lại nước sạch bảy lần kèm theo việc đọc một câu kinh để xin Thượng Đế xác nhận đã tẩy sạch thân thể.

4.8. Trang phục. Trang phục của người Chăm ở Nam Bộ là sự tổng hợp của nhiều yếu tố, trước hết là sự kế thừa truyền thống những trang phục của dân tộc mình, sau đó là tiếp nhận ảnh hưởng trang phục của các dân tộc anh em trong cùng khu vực cư trú và những ảnh hưởng lối ăn mặc theo kiểu đô thị. Phụ nữ Chăm Islam khi tiếp xúc với khách hoặc khi ra đường đều đội khăn trên đầu để che chắn cho kín tóc chứ không phải mang mạng che mặt như người theo Islam giáo ở các nước Ả-rập.

4.9. **Ấm thực.** Người Chăm có chung quan niệm về việc kiêng cử trong ăn uống như không ăn thịt các động vật tự nhiên chết, thịt heo, hoặc thú vật bị giết bằng cách xiết cổ, đập đầu, bị ngã, bị húc hay bị mãnh thú xé xác. Các loại thịt ăn được đều phải do chính người Chăm Islam cắt tiết. Người Chăm cho rằng việc uống bia, rượu sẽ làm lung lạc tinh thần và dẫn đến những hành động không tốt, dễ làm cho con người lãng quên những nhiệm vụ của mình trong tín ngưỡng truyền thống của dân tộc.

4.10. **Hoạt động nghệ thuật.** Do bị câu thúc bởi tín ngưỡng Islam nên những hoạt động nghệ thuật như ca, múa, kịch... chỉ được cộng đồng Chăm Islam ủng hộ trong những ngày Raya kết thúc tháng Ramadan, sinh nhật Muhammad, hoặc nhân dịp cưới hỏi... cộng đồng.

5. Tạm kết

5.1. Islam giáo đến với người Chăm Nam Bộ trên cái nền tín ngưỡng vốn có của mình là niềm tin vào cái thiêng liêng, và đã giúp củng cố thêm niềm tin ấy, đồng thời làm biến đổi một cách sâu sắc phong tục tập quán cổ truyền của dân tộc. Chính vì thế, trong đời sống tinh thần, người Chăm ở Nam Bộ hướng về thế giới tâm linh, tín ngưỡng và xem đó là một chỗ dựa tinh thần, là chuẩn mực đạo đức trong ứng xử. Có thể nói, tín ngưỡng đã trở thành một nhu cầu hàng đầu để cộng đồng người Chăm nơi đây tồn tại và phát triển. Và điều đó có những nguyên do thực tế. Trước hết là vì trong buổi đầu định cư và sau đó là trong hoạt động kinh tế, tín ngưỡng có một vai trò rất

quan trọng đối với những cư dân Chăm vốn làm nghề "bán rong", yếu tố may rủi khá nhiều. Tín ngưỡng và tôn giáo có thể đem lại cho họ niềm hi vọng thành đạt và hướng tới một ngày mai tươi sáng hơn. Kế đó, tín ngưỡng và tôn giáo đã góp phần tạo nên sự cố kết tộc người, là sợi dây liên kết, là chất keo để gắn bó, ràng buộc các thành viên trong cộng đồng với nhau, thúc đẩy họ yêu thương giúp đỡ nhau cùng tồn tại và phát triển.

5.2. Mặt khác, từ kết quả khảo sát các hoạt động tín ngưỡng và tập quán dân gian của cộng đồng Chăm ở Nam Bộ, chúng tôi nhận thấy: Đời sống tín ngưỡng dân gian của cộng đồng Chăm ở nơi đây khá đa dạng. Cộng đồng này có nhiều hoạt động tín ngưỡng khác nhau cùng với niềm tin vào thế giới siêu nhiên, vào sự tồn tại của linh hồn vạn vật. Trong đó, mối quan hệ giữa tín ngưỡng dân gian với tôn giáo của cộng đồng này hoà lẫn vào nhau đến mức không dễ dàng phân biệt đâu là tín ngưỡng dân gian đâu là tôn giáo. Phải nghiên cứu kỹ mới thấy yếu tố tín ngưỡng dân gian tiềm ẩn sâu xa trong các nghi lễ tôn giáo. Tín ngưỡng dân gian là một trong các yếu tố liên quan đến khả năng hội nhập của người Chăm vào cộng đồng các dân tộc ở Nam Bộ mà vẫn giữ được bản sắc văn hoá dân tộc. Việc nghiên cứu tôn giáo để tìm ra đặc trưng tín ngưỡng dân gian còn ẩn chứa, đan xen trong sinh hoạt của cộng đồng có thể góp phần làm sáng tỏ tín ngưỡng dân gian của cộng đồng Chăm và tạo điều kiện cho người Chăm nhận thức rạch ròi về tín ngưỡng dân gian và tôn giáo./.